

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

VGTT, BCC

[Cập nhật công ty]

VIC

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị giao dịch cân bằng, bán hạ tỷ trọng tại các nhịp vượt đỉnh và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ

31/07/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,222.90	+1.26
VN30	1,230.81	+1.51
HĐTL VN30F1M	1,234.20	+2.00
HNXIndex	239.55	+0.85
HNX30	477.02	+0.96
UPCoM	89.35	+0.49
USD/VND	23,686	-0.03
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.42	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.16	+11
Dầu (WTI, \$)	80.55	-0.04
Vàng (LME, \$)	1,952.38	-0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,222.90 (+1.26%)
KLGD (triệu CP) 1,123.0 (+10.4%)
GTGD (triệu U\$) 1,017.5 (+9.9%)

TTCK Việt Nam tăng điểm mạnh dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn với thanh khoản tăng. Khối ngoại mua ròng, tập trung tại MSB (+0.4%), PNJ (+0.5%), DCM (+3.9%).

HNXIndex 239.55 (+0.85%)
KLGD (triệu CP) 114.8 (-11.5%)
GTGD (triệu U\$) 77.1 (-4.8%)

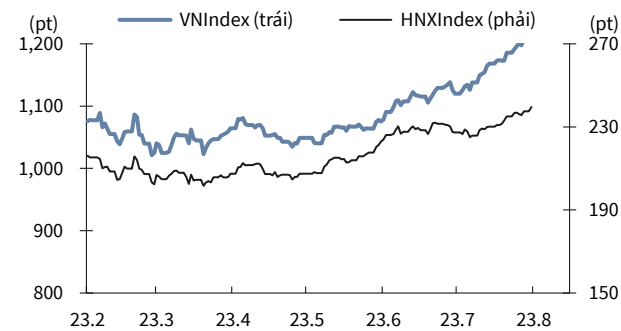
Giá dầu thô ngọt nhẹ WTI của Mỹ giảm 0.2% xuống 80.42 USD/thùng vào lúc 7h40 (giờ Việt Nam), trong khi giá dầu thô Brent giao tháng 9 giảm 0.07% xuống 84.24 USD/thùng. Cổ phiếu ngành dầu khí giảm giá ở PVD (-0.95%), PVB (-1.27%).

UPCoM 89.35 (+0.49%)
KLGD (triệu CP) 81.0 (-10.5%)
GTGD (triệu U\$) 51.6 (+51.9%)

Trong quý II/2023, nhu cầu thép yếu tại hầu hết khu vực trên thế giới và tâm lý tiêu cực đã tác động đến giá bán thép thành phẩm. Theo số liệu của Hiệp hội Thép Thế giới (Worldsteel), sản lượng thép thô thế giới của 64 quốc gia đạt 161.6 triệu tấn trong tháng 5 năm 2023, giảm 5.1% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu ngành thép giảm giá ở HPG (-0.35%), POM (-2.18%).

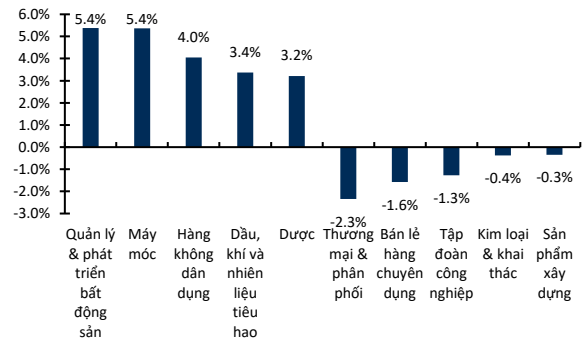
NĐTNN mua ròng (triệu U\$) +3.8

VNIndex & HNXIndex



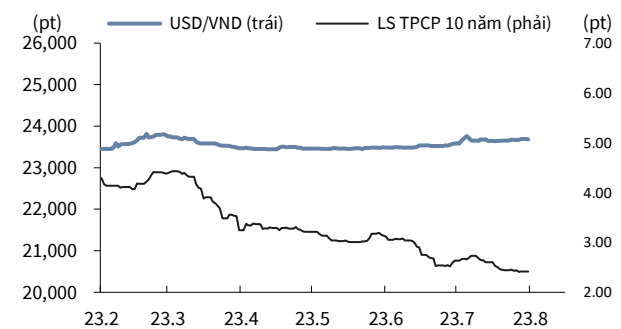
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



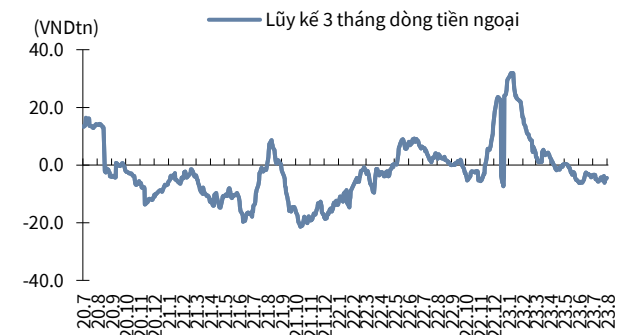
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

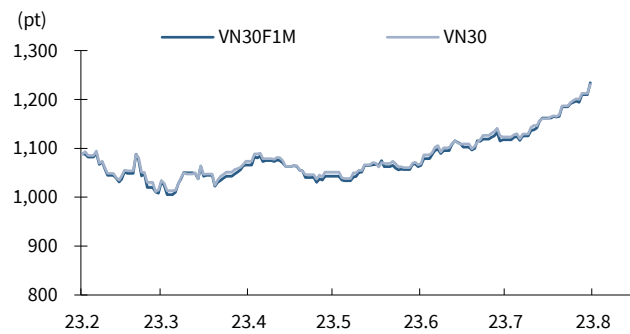
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,230.81 (+1.51%)
VN30F1M	1,234.2 (+2.00%)
Mở cửa	1,214.0
Cao nhất	1,234.2
Thấp nhất	1,213.7

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2308 và VN30 mở cửa tại 1.85 điểm, sau đó biến động quanh mức -2.48 điểm và đóng cửa tại 3.39 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

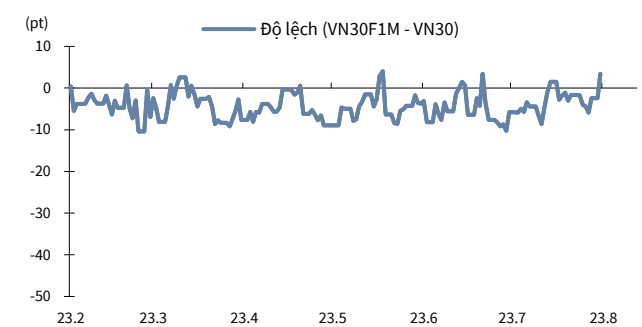
KLGD (HĐ)	136,995 (-28.1%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



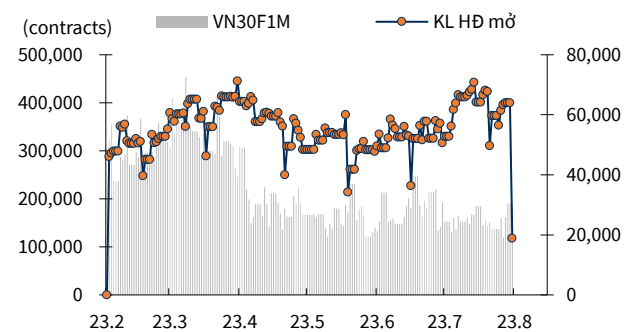
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



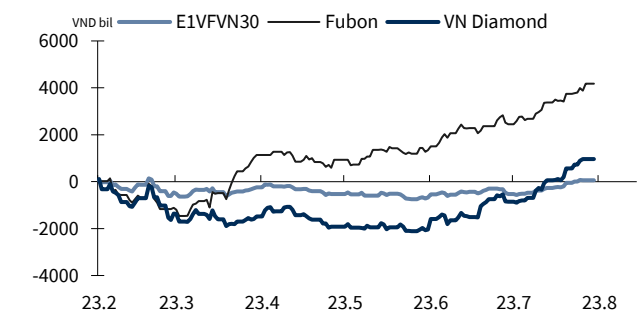
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

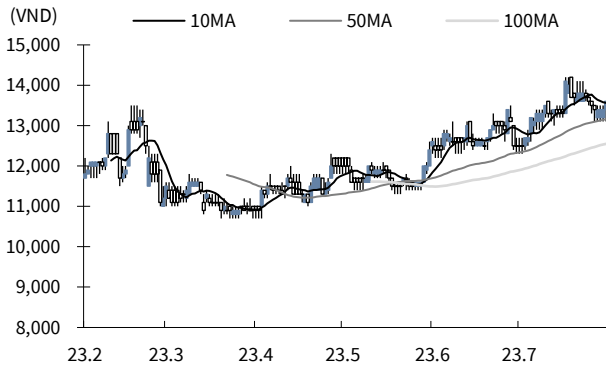
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn Dệt May Việt Nam (VGT)

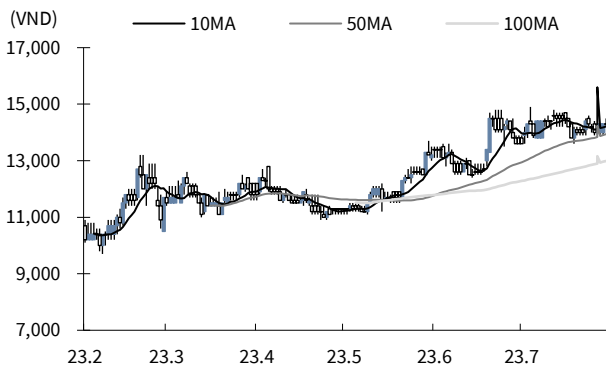


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- VGT tăng 2.3% lên 13,600 VND/cp

- Tập đoàn Dệt may Việt Nam đã công bố BCTC quý 2/2023 và lũy kế 6 tháng đầu năm 2023. Theo đó, riêng quý 2 doanh thu thuần đạt gần 3,910 tỷ đồng, giảm 17% so với cùng kỳ năm trước. Giá vốn hàng bán giảm không đáng kể nên lãi gộp còn 203 tỷ đồng, giảm tới 72% so với quý 2 năm ngoái.

CTCP Xi măng Bim Sơn (BCC)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BCC kết phiên tại giá tham chiếu 14,300 VND/cp

- CTCP Xi măng Bim Sơn vừa công bố BCTC quý 2/2023, theo đó doanh nghiệp ghi nhận hơn 892 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 21% so với cùng kỳ. Giá vốn hàng bán trong kỳ giảm nhẹ 14% do đó lợi nhuận gộp của doanh nghiệp còn hơn 69 tỷ đồng, giảm 60% so với cùng kỳ. Kết quả, công ty lỗ ròng 6.7 tỷ đồng trong khi cùng kỳ lãi hơn 57.7 tỷ đồng. Đây là quý thứ 4 liên tiếp doanh nghiệp báo lỗ kể từ quý 3/2022.

Vingroup (VIC)

Hoạt động kinh doanh BĐS ghi nhận kết quả tích cực

Vingroup đã công bố KQKD Quý 2/2023 với doanh thu đạt 47,143 tỷ VND (+252%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,866 tỷ VND (-45%YoY).

Bàn giao dự án Vinhomes Ocean Park 2 hỗ trợ tăng trưởng lợi nhuận của Vinhomes, hoạt động cho thuê tiếp tục hồi phục tốt

- Doanh thu quý 2/2023 của riêng Vinhomes đạt 32,833 tỷ VND (+635%YoY), LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 9,652 tỷ VND (+1,349%YoY) nhờ bàn giao số lượng lớn căn thấp tầng tại dự án Ocean Park 2. Lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh thu của Vinhomes đạt 62,132 tỷ VND (+364%YoY) và LNST đạt 21,570 tỷ VND (+314%YoY). Kết quả này đạt 72% kế hoạch lợi nhuận cả năm 2023.
- Doanh số bán hàng của Vinhomes trong quý 2/2023 đạt 24.9 nghìn tỷ VND (+58%QoQ), lũy kế 6 tháng đầu năm, doanh số bán hàng đạt 40.6 nghìn tỷ VND (-56%YoY), trong đó dự án Ocean Park 3 chiếm 74%. Doanh số bán và chưa ghi nhận doanh thu đến cuối quý 2/2023 đạt 89.1 nghìn tỷ VND (-31%YoY), trong đó dự án Ocean Park 3 và Ocean Park 2 đóng góp lần lượt 52% và 17%. Trong tháng 6/2023, Vinhomes đã mở bán 400/565 căn hộ tại dự án Sky Park quy mô 1.1ha tại Bắc Giang. Tỷ lệ hấp thụ tại dự án đạt 74% kể từ ngày mở bán. Trong tháng 7/2023, Vinhomes hợp tác cùng Mitsubishi Corporation mở bán phân khu Glory Heights tại dự án Grand Park, tỷ lệ hấp thụ tại dự án này đạt 90% với 2,000 căn hộ đã được bán.
- Trong Quý 3/2023, Vinhomes dự kiến sẽ mở bán dự án Golden Avenue (116ha – Quảng Ninh). Trong đợt mở bán đầu tiên, Vinhomes dự kiến mở bán 700/2,200 căn thấp tầng tại phân khu New York với mức giá bán khoảng 1,200USD/m² sàn xây dựng.
- Đối với Vincom Retail: Doanh thu quý 2/2023 đạt 2,173 tỷ VND (+17% YoY) và LNST của cổ đông công ty mẹ đạt 1,001 tỷ VND (+29%YoY). KQKD hồi phục so với cùng kỳ do (1) Mở mới 3 TTTM Smart City (cuối T4/2022), Mỹ Tho và Bạc Liêu (giữa tháng 6/2022) và (2) Bàn giao 23 căn shophouse tại dự án Điện Biên (so với chỉ 2 căn trong Quý 2/2022 tại dự án Ưng Bí và Thái Hòa). Tỷ lệ lấp đầy trong Quý 2/2023 đạt 85.5%, tăng 3 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Trong nửa cuối năm 2023, VRE dự kiến chỉ mở mới TTTM Vincom Plaza Hà Giang (diện tích sàn cho thuê gần 10,000m²), trong khi đó đẩy lùi thời gian mở mới TTTM Vincom Mega Mall Grand Park sang tháng 4/2024.

Mảng sản xuất: Đẩy mạnh bàn giao ô tô điện

- Doanh thu mảng sản xuất trong quý 2/2023 đạt 8,018 tỷ VND (+169%YoY). Mảng sản xuất ghi nhận khoản lỗ gộp hơn 3,400 tỷ VND.
- Trong quý 2, VinFast đã bàn giao 9,500 xe ô tô điện (+428%QoQ) và 11,200 xe máy điện (+14QoQ). Lũy kế 6 tháng đầu năm, VinFast đã bàn giao 11,300 xe ô tô điện (+5x YoY) và 20,000 xe máy điện. Tính tới cuối tháng 6, số lượng đơn đặt hàng cho xe ô tô điện đạt 26 nghìn xe, giảm so với thời điểm 17/4 là 41-47 nghìn xe, do công ty đã bắt đầu bàn giao xe

- Ủy ban chứng khoán Mỹ (SEC) đã tuyên bố hiệu lực hồ sơ đăng ký theo mẫu F-4 của VinFast liên quan đến giao dịch hợp nhất kinh doanh với Black Spade. Black Spade dự kiến sẽ tổ chức Đại hội cổ đông Đặc biệt (“EGM”) để thông qua giao dịch hợp nhất với VinFast vào ngày 10/08/2023.
- Vào ngày 28/7/2023, VinFast đã khởi công nhà máy sản xuất xe điện tại Bắc Carolina (Mỹ), có công suất 150.000 xe mỗi năm.

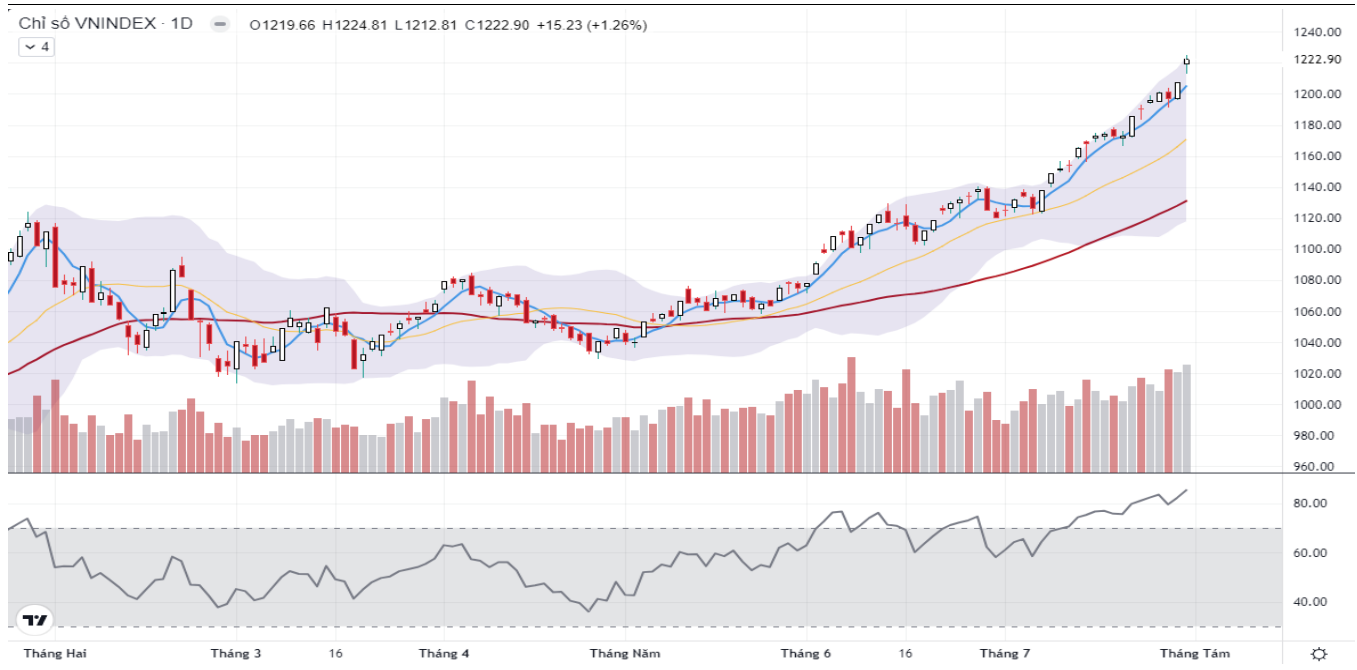
Các hoạt động kinh doanh khác

Mảng du lịch khách sạn, vui chơi giải trí tiếp tục hồi phục với doanh thu đạt 2,296 tỷ VND (+13%YoY). Số lượng đêm phòng bán trong quý 2/2023 đạt 362 nghìn (+26%YoY), số lượt khách đến VinWonders đạt 1,409 nghìn (-27%YoY).

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

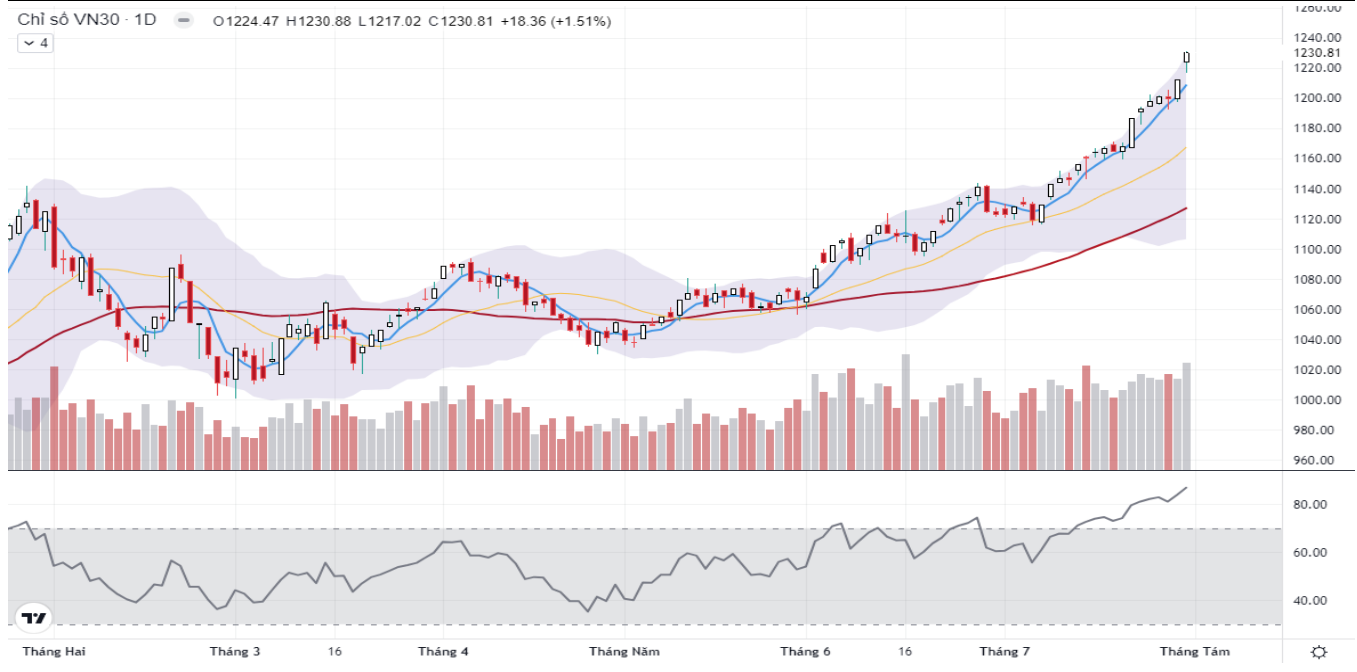
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, VNIndex diễn biến rung lắc giảm co trước khi mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng tiếp tục áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số có một phiên chồm phá ngưỡng cản mạnh quanh 122x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex được kỳ vọng sẽ sớm hồi phục và mở rộng đà tăng điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 1200.
- NĐT được khuyến nghị giao dịch cân bằng, bán hạ tỷ trọng tại các nhịp vượt đỉnh và chỉ mở mua trở lại khi chỉ số về quanh ngưỡng hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1245 – 1247

Kháng cự gần: 1238 – 1240

Hỗ trợ gần: 1225 – 1228

Hỗ trợ xa: 1217 – 1219

- Sau nhịp mở gap đầu phiên, F1 diễn biến rung lắc giảm co trước khi mở rộng biên độ tăng điểm về cuối phiên.
- Lực mua chủ động gia tăng tiếp tục áp đảo bên bán đã giúp cho chỉ số chinh phục ngưỡng cản mạnh quanh 122x. Mặc dù áp lực rung lắc sẽ ngày càng trở nên rõ nét hơn trong quá trình đi lên, VNIndex được kỳ vọng sẽ sớm hồi phục và mở rộng đà tăng điểm trở lại với ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 121x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Chốt lời một phần vị thế LONG đã mở và chỉ mở LONG trở lại quanh các ngưỡng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Chốt lời một phần vị thế LONG đã mở và chỉ mở LONG trở lại quanh các ngưỡng hỗ trợ.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

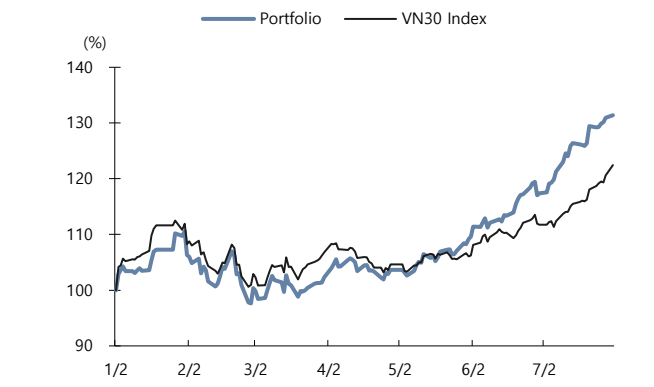
Khởi phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	1.51%	0.34%
Tăng lũy kế (YTD)	22.45%	31.40%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 31/07/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	53,700	-1.5%	39.0%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
SSI Securities (SSI)	30/01/2023	29,650	-0.3%	41.5%	- Tiếp tục giữ vị trí dự nợ cho vay kỳ quỹ lớn nhất trong ngành - Kỳ vọng hưởng lợi khi xu hướng lãi suất hạ nhiệt từ mức nền cao cuối 2022
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	83,000	0.5%	44.4%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Tien Phong Bank (TPB)	11/11/2021	18,750	0.3%	6.5%	- NIM duy trì ổn định nhờ nguồn vốn huy động giá rẻ - Ngân hàng tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số - Rủi ro đối với vấn đề TPDN kỳ vọng hạ nhiệt trong năm 2023
Dabaco Group (DBC)	30/01/2023	24,850	-1.0%	45.3%	- Giá lợn hơi và thịt gà được kỳ vọng sẽ tiếp tục xu hướng hồi phục trong 2023 - Giá TACN giảm, tương đồng với giá nông sản thế giới, sẽ giúp biên LNG cải thiện
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	85,600	1.4%	305.8%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	30,000	1.7%	58.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	101,600	2.1%	38.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	28,200	-0.4%	153.3%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	33,000	0.6%	221.2%	- Giá bán khu đô thị Tràng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
MSB	0.4%	29.2%	186.3
PNJ	0.5%	48.1%	59.6
DCM	3.9%	9.5%	51.8
HSG	-0.3%	18.4%	46.6
VNM	0.8%	54.1%	45.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.4%	26.3%	-181.1
VIC	7.0%	13.0%	-124.3
VCB	-1.5%	23.6%	-49.0
CTD	-2.3%	49.0%	-42.8
HCM	-0.2%	45.6%	-24.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	0.7%	10.9%	27.4
CEO	2.6%	5.2%	7.8
TNG	2.4%	23.9%	6.1
PVI	2.2%	59.8%	2.8
VNR	2.5%	27.3%	0.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	0.0%	20.7%	-2.8
NVB	3.5%	8.3%	-0.8
NDN	0.0%	2.1%	-0.6
SD6	9.8%	1.6%	-0.4
MAS	-9.1%	15.6%	-0.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	12.8%	TCH, HHS, SRF, SHA
Quản lý & phát triển bất động sản	5.6%	VHM, VIC, NVL, BCM
Công nghệ	5.5%	FPT, CMG, ELC
Hàng không dân dụng	5.0%	VJC, HVN
Thực phẩm	4.1%	VNM, MSN, KDC, VHC

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	-4.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Thương mại & phân phối	-3.3%	VPG, TSC, BTT, TNA
Sản phẩm xây dựng	-2.9%	VGC, BMP, SHI, DAG
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-2.6%	TNH, JVC, VMD
Phụ tùng oto	-2.4%	DRC, CSM, PAC, TNC

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ hàng chuyên dụng	19.6%	MWG, FRT, CTF, HAX
Máy móc	18.4%	TCH, HHS, SRF, SHA
Tiện ích điện	13.4%	PGV, NT2, PPC, TTA
Công nghệ	12.8%	FPT, CMG, ELC
Hóa chất	12.0%	GVR, DGC, DPM, DCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hàng hải	-2.6%	VSC, VOS, SKG, VTO
Dược	-2.3%	DHG, IMP, TRA, DBD
Phụ tùng oto	-1.5%	DRC, CSM, PAC, TNC
Phân phối thiết bị & dịch vụ y tế	-0.6%	TNH, JVC, VMD
Đồ gia dụng	0.1%	TTF, GDT, EVE, SAV

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	158,703 (6.7)	22.5	62.8	62.6	14.7	3.0	2.9	1.8	1.8	7.0	6.0	8.0	2.4
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	151,201 (6.4)	26.6	8.9	8.3	35.9	19.4	17.8	1.6	1.3	7.0	6.6	14.5	31.3
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	185,811 (7.8)	17.8	17.1	15.3	-7.6	11.1	11.9	1.8	1.8	3.0	4.4	10.6	12.7
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	627,092 (26.5)	31.3	-	-	6.7	-1.8	-3.4	1.0	1.0	2.7	16.4	26.9	34.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	28,347	19,167 (833)	75,008 (3.2)	11.6	28.0	19.8	13.7	8.1	11.3	2.1	2.0	2.0	9.5	21.8	41.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	345,740 (14.6)	13.9	55.8	43.5	-	2.3	2.9	1.2	1.2	0.3	12.4	27.9	49.0
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	95,328 (4.0)	6.3	15.5	13.6	11.7	22.3	20.3	3.0	2.5	-1.5	3.4	8.2	35.2
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	86,671 (3.7)	12.7	13.2	9.8	-5.3	20.3	20.6	2.1	1.7	1.1	0.9	8.9	22.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	177,422 (7.5)	0.0	6.4	5.1	14.3	15.3	16.4	0.9	0.8	1.5	5.7	6.0	32.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	179,782 (7.6)	1.4	8.2	7.2	50.3	16.5	17.4	1.2	1.0	1.7	0.5	1.7	10.1
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	406,133 (17.2)	0.0	10.8	7.8	18.8	11.6	14.0	1.2	1.1	0.2	1.4	11.6	23.7
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	221,620 (9.4)	0.0	5.3	4.5	14.6	23.5	22.1	1.0	0.9	0.8	0.5	7.3	26.8
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	56,550 (2.4)	4.2	5.4	4.9	23.3	22.9	20.4	1.1	0.9	0.6	0.6	7.3	25.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	643,068 (27.2)	14.0	8.1	4.8	26.5	18.6	24.3	1.2	0.9	1.0	0.9	-2.9	28.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	132,233 (5.6)	0.0	5.0	4.4	37.4	19.7	19.5	1.0	0.8	0.3	0.5	4.2	24.0
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	15,417	22,745 (988)	141,731 (6.0)	0.2	-	-	27.3	16.3	16.5	-	-	2.9	4.7	-0.9	-9.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	50,035 (2.1)	21.0	17.2	15.8	15.8	10.0	10.3	1.7	1.6	3.2	1.9	9.2	3.3
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	5,931 (0.3)	14.2	-	-	9.1	13.7	-	-	-	0.2	-1.5	9.3	20.5
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	499,613 (21.1)	55.4	17.1	15.2	-3.2	11.3	11.9	1.8	1.6	-0.3	3.3	14.9	67.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	196,010 (8.3)	71.9	18.6	16.4	-4.0	15.0	15.6	2.7	2.4	0.5	3.0	18.9	87.1
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	166,927 (7.1)	52.4	18.9	17.3	-19.0	10.3	10.2	1.8	1.7	-0.2	1.0	9.4	54.0
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	629,734 (26.6)	27.2	14.9	14.8	36.3	12.2	11.5	1.7	1.7	2.5	9.2	10.1	54.1
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	317,773 (13.4)	42.1	19.6	17.9	4.0	28.6	30.9	5.3	5.2	0.8	6.0	9.9	2.5
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	26,303 (1.1)	36.9	21.4	19.3	7.3	21.0	21.6	3.9	4.0	-0.1	1.2	2.1	-6.1
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	146,508 (6.2)	16.5	43.4	21.9	-51.9	8.8	13.9	5.6	4.3	1.4	3.9	16.1	-6.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	19,284 (0.8)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.5	2.5	2.7	0.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	89,735 (3.8)	11.0	62.2	29.8	-88.5	5.9	11.2	3.5	3.0	4.3	5.4	8.2	-6.8
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	74,504 (3.1)	10.8	12.9	18.4	-57.0	24.8	12.1	2.1	1.9	1.7	-0.2	13.1	29.3
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	241,544 (10.2)	38.4	16.6	13.5	65.7	2.4	3.8	1.0	1.0	1.2	2.2	13.7	60.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	376,038 (15.9)	37.7	-	-	-14.4	-	-	-	-	0.0	2.5	16.5	81.9
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	70,584 (3.0)	3.6	26.4	22.2	-52.4	2.5	2.8	-	-	-2.3	-2.4	4.4	118.5
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	65,029 (2.7)	0.0	11.7	11.2	-4.5	15.9	15.3	1.6	1.5	-1.5	3.4	2.8	7.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn)	GTGD (VND triệu, USD mn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	66,398 (2.8)	46.1	16.2	15.3	-17.5	19.0	17.9	3.0	2.8	2.1	3.1	9.2	0.1
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	27,696 (1.2)	31.4	11.6	9.8	-10.5	14.4	19.8	1.8	1.8	0.5	-2.8	-1.7	1.9
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	7,290 (0.3)	34.1	13.7	5.6	-5.1	6.9	15.7	-	-	-1.0	-8.1	-6.9	17.0
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	608,703 (25.7)	18.0	19.3	13.1	21.9	8.7	11.7	1.6	1.4	-0.4	-0.2	7.8	56.7
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	121,213 (5.1)	36.5	9.8	11.8	-0.5	11.9	10.9	1.1	1.1	2.3	5.6	13.7	-8.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	139,962 (5.9)	46.5	13.8	10.3	-4.5	11.6	15.8	1.6	1.6	3.9	8.4	20.1	19.6
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	262,774 (11.1)	38.9	-	16.6	67.9	-1.9	7.7	1.2	1.2	-0.3	5.2	17.0	71.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	118,576 (5.0)	97.2	17.1	14.6	17.2	6.2	7.2	-	-	-1.6	3.0	12.5	77.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	73,658 (3.1)	4.6	17.0	16.5	-51.0	12.9	11.9	2.0	2.0	3.6	3.0	11.1	30.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	129,512 (5.5)	39.9	41.7	14.5	-11.9	2.5	7.3	1.0	0.9	-0.9	1.9	6.9	46.8
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	90,765 (3.8)	35.9	8.9	8.2	2.2	14.5	14.5	1.2	1.0	0.4	-0.8	1.9	7.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	277,251 (11.7)	0.0	34.4	16.0	14.4	10.3	17.4	3.1	2.7	-1.5	-1.5	24.0	25.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	107,444 (4.5)	0.0	16.1	12.9	2.4	20.1	22.1	2.9	2.5	0.5	4.7	10.7	-7.7
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	1,372 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.8	0.7	-1.4	54.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	98,140 (4.1)	30.3	61.7	24.7	-75.2	8.1	17.4	4.7	3.9	-2.4	-0.8	6.7	27.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	29,631 (1.3)	34.6	8.3	8.7	41.2	19.2	17.7	2.1	2.0	-0.6	0.2	12.5	32.5
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	11,286 (0.5)	45.4	13.4	12.5	10.7	25.4	24.1	3.3	2.7	5.1	-1.4	-4.3	44.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	103,083 (4.4)	0.0	18.0	14.7	15.5	27.2	27.8	4.4	3.7	1.4	5.7	14.5	28.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích doanh nghiệp

Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích
linhpp@kbsec.com.vn

Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích
nguyenn1@kbsec.com.vn

Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích
giangnt1@kbsec.com.vn

Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích
anhntn@kbsec.com.vn

Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích
thuann1@kbsec.com.vn

Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích
hieupm@kbsec.com.vn

Khoảng phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích
uyenvt@kbsec.com.vn

Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích
congh@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích
tiens@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

